TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22-6-2017.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hải Đường

2. Bà Trịnh Thúy Cơ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện D tham gia phiên toà*:**Ông Trương Thái Hồng – Kiểm sát Viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2017/TLST-HNGĐ ngày13 tháng 02 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*Chị Bùi Thị Kim T, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 7, ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (có mặt);

2. Bị đơn: Anh Đỗ Hoài A, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 7, ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Bùi Thị Kim T trình bày:

Chị và anh A tự nguyện chung sống từ năm 2012, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 126 ngày 03/9/2013 do Ủy ban nhân dân xã B, Huyện D cấp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 10/01/2017 thì ly thân, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau trong tình cảm, tiền bạc; anh A thường xuyên uống rượu say, đi về khuya quậy phá nhà cửa, chửi mắng vợ con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh A.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Gia H, sinh ngày: 24/01/2013, hiện đang sống với chị; chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Đỗ Hoài A trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, ly thân và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là đúng. Do nghề nghiệp của anh là thầu xây dựng nên anh thường xuyên phải giao tiếp uống rượu vì vậy thường đi về khuya. Nay chị T xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu được đoàn tụ vì còn thương vợ, anh hứa sẽ bỏ rượu, không làm công việc cũ mà về mở tiệm rửa xe để ở nhà cùng vợ con.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Gia H, sinh ngày: 24/01/2013, hiện đang sống với chị T; nếu Tòa án cho ly hôn thì anh xin được nuôi con, không yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh A. Giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Đỗ Gia H, ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Ngược lại, anh A cho rằng còn yêu thương vợ con nên xin được đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy: Chị T và anh A tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2012, có đăng ký kết hôn nên công nhận hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống chị T nhận thấy không có hạnh phúc, anh A thường xuyên uống rượu say, đi về khuya; ngoài ra, anh A còn có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, nên từ 03 năm trước chị đã xin ly hôn nhưng được gia đình khuyên nhủ cho anh A cơ hội nên chị không xin ly hôn nữa. Quá trình giải quyết hai bên thừa nhận do không tin tưởng nhau trong tình cảm và tiền bạc nên đã không sống chung từ tháng 01/2017 đến nay. Anh A xin được đoàn tụ vợ chồng nhưng không đưa ra được giải pháp nào để chị T quay về, chị T thì kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ.

[2] Về con chung: Xét thấy cháu H còn nhỏ, từ khi chị T nộp đơn xin ly

hôn đến nay vẫn sống với chị T; hiện chị T làm việc (sửa quần áo) tại nhà, anh A thường đi làm xa (theo các công trình nhận thầu), do vậy để ổn định về mặt tinh thần và thể chất cần giao cháu Đỗ Gia H, sinh ngày: 24/01/2013 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Xét yêu cầu của chị T là có căn cứ, để đảm bảo quyền lợi cho cháu H, cần chấp nhận yêu cầu của chị T. Căn cứ vào thu nhập của anh A hiện nay là 7.500.000 đồng/tháng, cần buộc anh A cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp.

Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị T, anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Kim T và anh Đỗ Hoài A.

Chị T và anh A không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đỗ Gia H, sinh ngày: 24/01/2013.

Anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 *(một triệu)* đồng/tháng đến khi cháu H thành niên và tự lao động sinh sống được.

Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và khi chị Bùi Thị Kim T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đỗ Hoài A chưa thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh A còn phải trả cho chị T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0014884 ngày 10/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (Đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện DMC,
- THA Huyện DMC,
- Các đương sự.
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Thủy